

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỸ XUYỀN
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2025/DS-ST
Ngày: 18 – 3 – 2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỸ XUYỀN, TỈNH SÓC TRĂNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thanh Nhanh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Hồng Phượng.

2. Ông Huỳnh Văn Hiệp.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trương Thị Mỹ Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Văn Tài – Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 3 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2024/TLST-DS ngày 20 tháng 11 năm 2024, về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2025/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 40/2025/QĐST-DS ngày 27 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Công ty Cổ phần S.**

Địa chỉ: Đường Du, phường T, thành phố V, tỉnh Nghệ An.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông **Nguyễn Thanh T**, chức vụ: Nhân viên Công ty Cổ phần S; địa chỉ: Đường P, Phường X, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng, (đại diện uỷ quyền, theo Giấy uỷ quyền số 322/2024/UQ-SVN ngày 07-10-2024 của Công ty Cổ phần S); (Có mặt).

- Bị đơn: Bà **Đặng Thị Cẩm T1.**

Địa chỉ: Ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Trong đơn khởi kiện ngày 05-11-2024 của nguyên đơn là Công ty Cổ phần S và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là ông Nguyễn Thanh T đều trình bày:

Bà Đặng Thị Cẩm T1 có cầm cố tài sản với Chi nhánh T – Công ty TNHH S (sau đây viết tắt là: Công ty) theo Hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe ký ngày 15-8-2024, cụ thể là hợp đồng số STM240801021NA18X, số đăng ký giao dịch đảm bảo trên hệ thống đăng ký trực tuyến của Cục đăng ký Quốc Gia: Giaodichdambao/botuphap:.....theo web: <https://dktructuyen.moj.gov.vn/>

Tài sản cầm cố: 01 xe mô tô hai bánh BKS: 83XL-054.93, loại xe: Honda Vario 125, màu: xám đen, số khung: MH1JM511XJK086723, số máy: JM51E1086726, giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô số: 000752 do Công an xã Gia Hoà 1, huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 01-8-2024.

Số tiền cầm cố: 13.989.361 đồng; thời hạn cầm cố: 06 tháng (từ ngày 15-8-2024 đến ngày 15-02-2025 với mức lãi suất cầm cố là 1,1% /tháng.

Do nhu cầu có xe đi lại hàng ngày nên Công ty ký giấy cho bà T1 mượn lại xe sử dụng, nội dung có quy định thời gian mượn xe từ ngày 15-8-2024 đến ngày 15-9-2024, địa điểm trả là tại Chi nhánh T.

Trong quá trình trả nợ, bà T1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, cụ thể là trễ 47 ngày, bà T1 không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Nhân viên công ty đã nhiều lần liên hệ qua điện thoại và đến nhà bà Đặng Thị Cẩm T1 tại địa chỉ ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng nhưng đều không gặp. Công ty đã tạo rất nhiều điều kiện về thời gian để bà Đặng Thị Cẩm T1 trả lại tiền hoặc tài sản đã cầm cố cho Công ty, nhưng bà T1 không thực hiện và có biểu hiện trốn tránh, chiếm đoạt tài sản của Công ty.

Vì vậy, Công ty khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm T1: Phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng cầm cố, giấy mượn xe đã đăng ký với Chi nhánh T – Tp. T 1 – Công ty Cổ phần S theo Hợp đồng cầm cố số STM240801021NA18X, kèm giấy mượn xe đã đăng ký với Chi nhánh T – Tp. Sóc Trăng 1 – Công ty Cổ phần S ngày 15-8-2024 số tiền là 16.659.406 đồng (Mười sáu triệu sáu trăm năm mươi chín nghìn bốn trăm lẻ sáu đồng) tạm tính đến ngày 01-11-2024, trong đó: Tiền gốc là 13.989.362 đồng; lãi 307.766 đồng; phí mượn xe: 1.510.851 đồng (5.4%/tháng); phí quản lý hồ sơ: 139.894 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 210.249 đồng; thanh lý trước hạn: 501.284 đồng. Bà T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 02-11-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 18-3-2025 tổng cộng là 15.153.743 đồng, trong đó: Nợ gốc 13.989.362 đồng, lãi trong hạn 918.168 đồng (mức lãi suất 1.1%/tháng, tính từ ngày 16-8-2024 đến ngày 15-02-2025), lãi quá

hạn 246.213 đồng (mức lãi suất 1.65%/tháng, tính từ ngày 16-02-2025 đến ngày 18-3-2025). Ông T rút lại các yêu cầu khởi kiện về tất cả các khoản phí gồm: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thanh lý trước hạn.

2. Đối với bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1: Bà Đặng Thị Cẩm T1 đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp kiểm tra, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia tố tụng, lấy lời khai nhưng bà T1 đều vắng mặt không lý do, cũng không nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ và văn bản ghi ý kiến của ông đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Tòa án cũng không lấy lời khai của bà T1 được.

3. Ý kiến của Kiểm sát viên:

Tại phiên tòa sơ thẩm, Kiểm sát viên phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung thì cho rằng ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 18-3-2025 tổng cộng là 15.153.743 đồng, trong đó: Nợ gốc 13.989.362 đồng và lãi suất là có căn cứ; do ông T rút lại một phần yêu cầu khởi kiện, nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn yêu cầu bà Đặng Thị Cẩm T1 trả lại tiền vay, do bà T1 có nơi cư trú ấp H, xã H, huyện X, tỉnh Sóc Trăng; nên xác định đây là tranh chấp hợp đồng vay tài sản và Tòa án nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng giải quyết là đúng thẩm quyền, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.3] Tại phiên tòa, bà Đặng Thị Cẩm T1 là bị đơn đã được Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa hợp lệ hai lần nhưng đều vắng mặt không lý do. Việc vắng mặt này không gây khó khăn, ảnh hưởng đến việc giải quyết khách quan, toàn diện vụ

án nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu rút lại một phần yêu cầu khởi kiện:

Theo đơn khởi kiện nguyên đơn yêu cầu bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 trả nợ với tổng số tiền tạm tính đến ngày 01-11-2024, trong đó: Tiền gốc là 13.989.362 đồng; lãi 307.766 đồng; phí mượn xe: 1.510.851 đồng (5.4%/tháng); phí quản lý hồ sơ: 139.894 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 210.249 đồng; thanh lý trước hạn: 501.284 đồng; bà T1 còn phải tiếp tục chịu lãi suất, phí phát sinh theo hợp đồng cầm cố và giấy mượn xe kể từ ngày 02-11-2024 cho đến khi thanh toán xong nợ.

Tại phiên toà, ông Nguyễn Thanh T là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến 18-3-2025 tổng cộng là 15.153.743 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng), trong đó: Nợ gốc 13.989.362 đồng, lãi trong hạn 918.168 đồng (mức lãi suất 1.1%/tháng, tính từ ngày 16-8-2024 đến ngày 15-02-2025), lãi quá hạn 246.213 đồng (mức lãi suất 1.65%/tháng, tính từ ngày 16-02-2025 đến ngày 18-3-2025). Ông T rút lại các yêu cầu khởi kiện về tất cả các khoản phí gồm: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thanh lý trước hạn.

Do việc rút một phần yêu cầu khởi kiện này là tự nguyện, nên căn cứ vào khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu đã rút gồm: Buộc bà Đặng Thị Cẩm T1 phải trả lại: Phí mượn xe, phí quản lý hồ sơ, phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán, thanh lý trước hạn.

[2.2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về nợ vay:

Bà Đặng Thị Cẩm T1 không có văn bản tường trình ý kiến, không cung cấp chứng cứ phản đối yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và Toà án cũng không lấy lời khai được.

Nay người đại diện hợp pháp của nguyên đơn yêu cầu Toà án giải quyết buộc bà Đặng Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ trả nợ cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 18-3-2025 tổng cộng là 15.153.743 đồng, yêu cầu này được Hội đồng xét xử xem xét như sau:

Theo Hợp đồng cầm cố ngày 15-8-2021, bên nhận cầm cố: Chi nhánh T - Tp. T 1 - Công ty Cổ phần S, địa chỉ: P, Phường X, Tp. T, Sóc Trăng; bên cầm cố: Đặng Thị Cẩm T1, ngày sinh: 12-12-1995, địa chỉ ấp H, xã H, huyện X, Sóc Trăng; cho cầm cố số tiền là 13,989,361.70 VNĐ; thời hạn cầm cố là 06 tháng, kể từ ngày 15-8-2024 đến ngày 15-02-2025; phương thức nhận tiền: Chuyển khoản một lần tại ngân hàng M Bank chi nhánh T, số tài khoản: 0120116965353, tên chủ tài khoản: Đặng Thị Cẩm T1; mục đích cầm cố: Phục vụ tiêu dùng cá nhân và

kinh doanh; Lãi suất trong hạn bằng 1.1% /tháng, tính từ ngày ký hợp đồng và nhận tiền; lãi quá hạn là 150% mức lãi suất cầm cố trong hạn; thời hạn thanh toán, là định kỳ hàng tháng gồm gốc, lãi và phí trong hạn với số tiền là 2,463,854.51 đồng vào ngày 15 hàng tháng, tính từ tháng 9 năm 2024 đến tháng 02 năm 2025.

Theo phía nguyên đơn trình bày thì bà T1 bà T1 chưa thanh toán đúng nghĩa vụ theo hợp đồng cho Công ty, đến nay đã quá hạn hợp đồng, bà T1 không trả nợ cho Công ty và cũng không trả lại xe máy cho Công ty. Bà T1 chưa trả nợ gốc.

Việc giao kết hợp đồng do các bên tự nguyện, xuất phát từ nhu cầu vay vốn của bà T1 và nhu cầu cho vay của nguyên đơn nên cần buộc các bên phải thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng đã giao kết. Theo hợp đồng có thỏa thuận thời hạn trả, nhưng bà T1 không trả đúng hạn là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn trả lãi suất trong hạn 918.168 đồng (tính từ ngày 16-8-2024 đến ngày 15-02-2025) và lãi quá hạn 246.213 đồng (tính từ ngày 16-02-2024 đến ngày 18-3-2025), là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Từ những phân tích nêu trên, thấy rằng yêu cầu của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn về việc buộc bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 phải trả cho nguyên đơn số tiền vay đến ngày xét xử là ngày 18-3-2025 tổng cộng 15.153.743 đồng, trong đó: Nợ gốc 13.989.362 đồng, lãi trong hạn 918.168 đồng và lãi quá hạn 246.213 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đồng thời, căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì bà T1 còn phải chịu tiền lãi đối với tiền vốn cho đến khi trả xong nợ theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[4] Do đó, lời đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5.1] Do nguyên đơn rút lại một phần yêu cầu khởi kiện và Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn không phải chịu án phí sơ thẩm và được trả lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[5.2] Bà Đặng Thị Cẩm T1 có nghĩa vụ thanh toán nợ cho nguyên đơn, nên bà T1 phải chịu án phí sơ thẩm như sau: $15.153.743 \text{ đồng} \times 5\% = 757.687 \text{ đồng}$.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều

39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 357, Điều 463, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S.

Buộc bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 trả nợ cho Công ty Cổ phần S, số tiền nợ vay tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 18 tháng 3 năm 2025) tổng cộng là 15.153.743 đồng (Mười lăm triệu một trăm năm mươi ba nghìn bảy trăm bốn mươi ba đồng), trong đó:

- Nợ gốc 13.989.362 đồng,

- Lãi trong hạn 918.168 đồng (tính từ ngày 16 tháng 8 năm 2024 đến ngày 15 tháng 02 năm 2025).

- Lãi quá hạn 246.213 đồng (tính từ ngày 16 tháng 02 năm 2024 đến ngày 18 tháng 3 năm 2025).

2. Về nghĩa vụ chậm thi hành án: Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là ngày 19 tháng 3 năm 2025) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án là bà Đặng Thị Cẩm T1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Cổ phần S, về việc buộc bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 phải trả phí mượn xe: 1.510.851 đồng (5.4%/tháng); phí quản lý hồ sơ: 139.894 đồng (0.5%/tháng); phí vi phạm nghĩa vụ thanh toán: 210.249 đồng; thanh lý trước hạn: 501.284 đồng.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

4.1. Bà Đặng Thị Cẩm T1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 757.687 đồng (Bảy trăm năm mươi bảy nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

4.2. Trả lại cho Công ty Cổ phần S số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 417.000 đồng (Bốn trăm mười bảy nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008282 ngày 19 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; Đối với bị đơn bà Đặng Thị Cẩm T1 vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính kể từ ngày Tòa án tổng đạt bản án theo quy định của pháp luật.

6. Quyền và nghĩa vụ thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mỹ Xuyên, tỉnh Sóc Trăng (khi bản án có hiệu lực pháp luật);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Cao Thanh Nhanh